

PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC
CHỦ ĐỀ 3 : ĐỊA LÍ CÁC NGÀNH KINH TẾ

II Một số vấn đề phát triển và phân bố nông nghiệp

1. Vấn đề chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp(bài 22 + 23)

I. NHIỆM VỤ TỰ HỌC, NGUỒN TÀI LIỆU CẦN THAM KHẢO:

1. Sách giáo khoa Địa lí lớp 12 chương trình cơ bản: trang 93,94,95,96

2. Atlas địa lí Việt Nam của NXB Giáo dục: Sử dụng kết hợp các trang: 18

II. KIẾN THỨC CẦN GHI NHỚ:

1. Ngành trồng trọt

Chiếm gần 75% giá trị sản lượng nông nghiệp

a. Sản xuất lương thực (59.2% giá trị sản xuất ngành trồng trọt):

- Việc đẩy mạnh sản xuất lương thực có tầm quan trọng đặc biệt:

+ Đảm bảo lương thực cho nhân dân.

+ Cung cấp thức ăn cho chăn nuôi.

+ Làm nguồn hàng xuất khẩu.

+ Đa dạng hoá sản xuất nông nghiệp.

- Nước ta có nhiều điều kiện thuận lợi cho sản xuất lương thực:

+ Điều kiện tự nhiên

+ Điều kiện kinh tế - xã hội .

- Tuy nhiên cũng có những khó khăn (thiên tai, sâu bệnh...).

- Tình hình sản xuất lương thực trong những năm qua :

+ Diện tích gieo trồng lúa tăng mạnh

+Áp dụng biện pháp thâm canh trong nông nghiệp

+Sản lượng lúa tăng đáng kể, từ chỗ sản xuất không đảm bảo nhu cầu lương thực trong nước , Việt Nam trở thành nước xuất khẩu gạo hàng đầu thế giới.

+Đồng bằng sông Cửu Long là vùng sản xuất lương thực lớn nhất cả nước .

b. Sản xuất cây thực phẩm (HS tự học)

c. Sản xuất cây công nghiệp và cây ăn quả:

*** Cây công nghiệp:**

- Ý nghĩa của việc phát triển cây công nghiệp:

- + Sử dụng hợp lý tài nguyên đất, nước và khí hậu.
- + Sử dụng tốt hơn nguồn lao động nông nghiệp, đa dạng hóa nông nghiệp.
- + Tạo nguồn nguyên liệu cho công nghiệp chế biến.
- + Là mặt hàng xuất khẩu quan trọng.

- Điều kiện phát triển:

- + Thuận lợi: khí hậu, đất, nguồn lao động, mạng lưới cơ sở chế biến nguyên liệu cây công nghiệp...
- + Khó khăn: Thị trường tiêu thụ...
- Nước ta chủ yếu trồng cây công nghiệp có nguồn gốc nhiệt đới, ngoài ra còn có một số cây có nguồn gốc cận nhiệt.

- Cây công nghiệp lâu năm:

- + Có xu hướng tăng cả về năng suất, diện tích, sản lượng. Đóng vai trò quan trọng trong cơ cấu sản xuất cây công nghiệp.
- + Nước ta đã hình thành được các vùng chuyên canh cây công nghiệp lâu năm với quy mô lớn.
- + Các cây công nghiệp lâu năm chủ yếu : cà phê, cao su, hồ tiêu, dừa, chè...

- Cây công nghiệp hàng năm: mía, lạc, đậu tương, bông, đay, cói, tằm, thuốc lá...

- Cây ăn quả : được phát triển khá mạnh một số năm gần đây

Vùng cây ăn quả lớn nhất là : đồng bằng sông Cửu Long , Đông Nam Bộ ..

2. Ngành chăn nuôi .

- Tỉ trọng ngành chăn nuôi còn nhỏ (so với trồng trọt) nhưng đang có xu hướng tăng.
- Xu hướng phát triển của ngành chăn nuôi hiện nay:
 - + Ngành chăn nuôi tiến mạnh lên sản xuất hàng hoá.
 - + Chăn nuôi trang trại theo hình thức công nghiệp.
 - + Các sản phẩm không qua giết mổ (trứng, sữa) chiếm tỉ trọng ngày càng cao.
- Điều kiện phát triển ngành chăn nuôi nước ta:
 - + Thuận lợi: cơ sở thức ăn được đảm bảo tốt hơn, dịch vụ giống, thú y có nhiều tiến bộ...
 - + Khó khăn: giống gia súc, gia cầm năng suất thấp, dịch bệnh....
- Chăn nuôi lợn và gia cầm:
- + Tình hình phát triển:

+ Phân bố:ĐBSH, ĐBSCL...

- Chăn nuôi gia súc ăn cỏ(**HS tự học**)

II. BÀI TẬP

A. TỰ LUẬN

Câu 1: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 18, hãy kể tên:

Hai vùng nông nghiệp dẫn đầu nước ta về diện tích đất trồng cây công nghiệp lâu năm ?

STT	Vùng nông nghiệp
1	
2	

Câu 2 Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 19, hãy kể tên bốn tỉnh dẫn đầu nước ta năm 2007 về diện tích trồng lúa, sản lượng lúa.

STT	Diện tích trồng lúa	Sản lượng lúa
1		
2		
3		
4		

B. TRẮC NGHIỆM

Câu 1: Cho bảng số liệu:

DIỆN TÍCH CÁC LOẠI CÂY TRỒNG PHÂN THEO NHÓM CÂY

(Đơn vị: nghìn ha)

Năm	2005	2014
Tổng số	13 287,0	14 809,4
Cây lương thực	8 383,4	8 996,2
Cây công nghiệp	2 495,1	2 843,5
Cây khác	2 408,5	2 969,7

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2015, Nhà xuất bản Thống kê, 2016)

Để thể hiện quy mô diện tích các loại cây trồng và cơ cấu của nó qua hai năm 2005 và 2014, biểu đồ nào sau đây thích hợp nhất?

- A. Biểu đồ miền. B. Biểu đồ tròn.
C. Biểu đồ cột. D. Biểu đồ đường

Câu 2: Nhóm cây nào sau đây chiếm tỉ trọng lớn nhất trong cơ cấu diện tích trồng trọt ở nước ta hiện nay?

- A. Cây lương thực. B. Cây công nghiệp hàng năm.
C. Cây ăn quả. D. Cây công nghiệp lâu năm.

Câu 3: Lương thực là mối quan tâm thường xuyên của Nhà nước ta vì

- A. điều kiện tự nhiên của nước ta không phù hợp cho sản xuất lương thực.
B. đáp ứng nhu cầu của đời sống, sản xuất và xuất khẩu.
C. thiếu lao động trong sản xuất lương thực.

D. phần lớn diện tích nước ta là đồng bằng.

Câu 4: Trong những năm qua, sản lượng lương thực của nước ta tăng lên chủ yếu là do

- A.tăng diện tích đất canh tác. B.tăng năng suất cây trồng.
C.đẩy mạnh khai hoang phục hóa. D. tăng số lượng lao động trong ngành trồng lúa.

Câu 5: Năng suất lúa cả năm của nước ta tăng mạnh, chủ yếu do

- A. mở rộng diện tích canh tác. B. đẩy mạnh xen canh, tăng vụ.
C. đẩy mạnh thâm canh. D. áp dụng rộng rãi các mô hình quảng canh.

Câu 6: Sản lượng lúa của nước ta tăng trong những năm gần đây chủ yếu là do

- A.tăng diện tích lúa mùa. B.đa dạng hóa nông nghiệp.
C.đẩy mạnh công nghiệp chế biến. D. đẩy mạnh thâm canh tăng năng suất.

Câu 7: Vùng sản xuất lương thực lớn nhất nước ta là

- A. Đồng bằng sông Hồng. B Bắc Trung Bộ.
C.Đồng bằng sông Cửu Long. D. Duyên hải Nam Trung Bộ.

Câu 8: Ý nào **không** biểu hiện được Đồng bằng sông Cửu Long là vùng trọng điểm lúa số 1 ở nước ta?

- A. chiếm trên 50% diện tích lúa của cả nước.
B. bình quân lương thực trên đầu người đạt trên 1000kg.
C. có nhiều khả năng để mở rộng diện tích.
D. chiếm trên 50% sản lượng lúa của cả nước.

Câu 9: Vùng nào sau đây có năng suất lúa cao nhất nước ta hiện nay?

- A. Đồng bằng sông Hồng. B.Bắc Trung Bộ.
C.Duyên hải Nam Trung Bộ. D. Đồng bằng sông Cửu Long.

Câu 10: Nguyên nhân chủ yếu nào sau đây dẫn đến trình độ thâm canh cao ở Đồng bằng sông Hồng?

- A.đất chật người đông, nhu cầu lương thực lớn.
B.để giải quyết tình trạng thất nghiệp, thiếu việc làm.
C.do nhu cầu của công nghiệp chế biến lương thực.
D.để có đủ thức ăn cho chăn nuôi lợn và gia cầm

Câu 11: Vùng đồng bằng sông Cửu Long có sản lượng lương thực lớn hơn vùng đồng bằng sông Hồng là do

- A. có năng suất lúa cao hơn. B.có diện tích trồng cây lương thực lớn hơn.
C.có trình độ thâm canh cao hơn. D. có truyền thống trồng cây lương thực lâu đời hơn.

Câu 12: Cây nào sau đây ở nước ta thuộc nhóm cây công nghiệp lâu năm?

- A. Cà phê. B. Thuốc lá. C. Bông D. Đay .

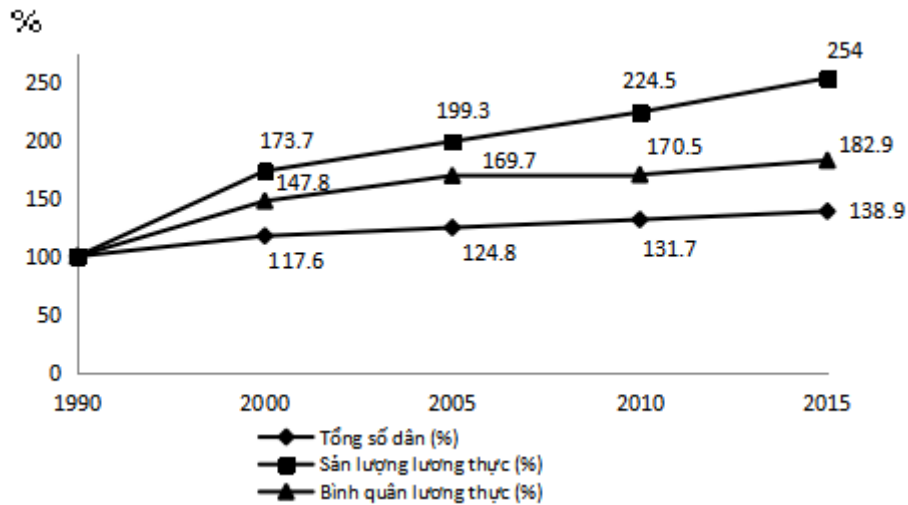
Câu 13: Cây nào sau đây ở nước ta thuộc nhóm cây công nghiệp hàng năm?

- A. Thuốc lá. B. Hồ tiêu. C. Cà phê. D. Cao su.

Câu 14: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 19, cho biết tỉnh nào trong các tỉnh sau đây có diện tích trồng cây công nghiệp lâu năm lớn nhất?

- A. Ninh Thuận. B. Bình Thuận C. Khánh Hòa D. Lâm Đồng

Câu 15: Cho biểu đồ sau:



Biểu đồ thể hiện tốc độ tăng trưởng số dân, sản lượng lương thực và bình quân lương thực theo đầu người của nước ta qua các năm.

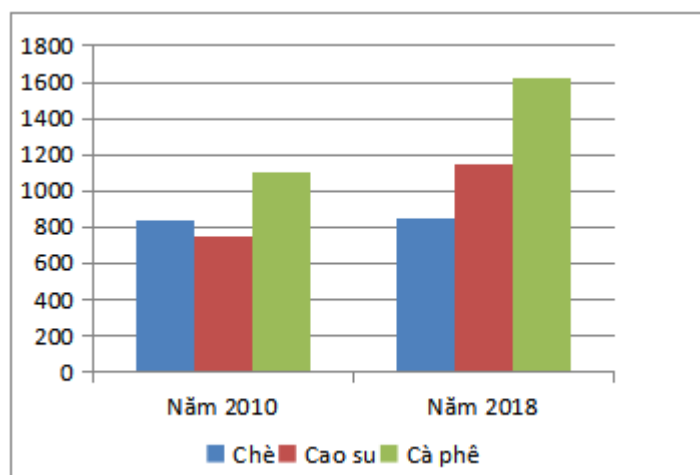
Căn cứ vào biểu đồ, cho biết nhận xét nào dưới đây là đúng?

- A. Khi sản lượng lương thực có tốc độ tăng nhanh hơn tốc độ tăng của dân số thì bình quân lương thực theo đầu người sẽ tăng.
 B. Khi sản lượng lương thực có tốc độ tăng chậm hơn tốc độ tăng của dân số thì bình quân lương thực theo đầu người sẽ tăng.
 C. Khi tốc độ tăng của dân số tăng nhanh hơn sản lượng lương thực thì bình quân lương thực theo đầu người sẽ tăng.
 D. Khi sản lượng lương thực có tốc độ tăng bằng tốc độ tăng của dân số thì bình quân lương thực theo đầu người sẽ tăng.

Câu 16: Cho biểu đồ:

SẢN LƯỢNG MỘT SỐ CÂY CÔNG NGHIỆP LÂU NĂM CỦA NƯỚC TA NĂM 2010 VÀ NĂM 2018

(Số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2018. NXB Thống kê, 2019)



Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây đúng về sản lượng một số cây công nghiệp lâu năm của nước ta năm 2018 so với năm 2010?

- A. Cao su giảm, cà phê tăng. B. Cà phê giảm, chè giảm.
C. Cao su tăng, chè giảm. D. Cà phê tăng, cao su tăng.

Câu 17: Cho bảng số liệu

SẢN LƯỢNG XUẤT KHẨU THEO MÙA VỤ CỦA NƯỚC TA NĂM 2010 VÀ NĂM 2018

Năm	Tổng số	Lúa đông, xuân	Lúa hè thu, thu đông	Lúa mùa
2010	40005,6	19216,8	11686,1	9102,7
2018	43979,2	20603,0	15111,3	8264,9

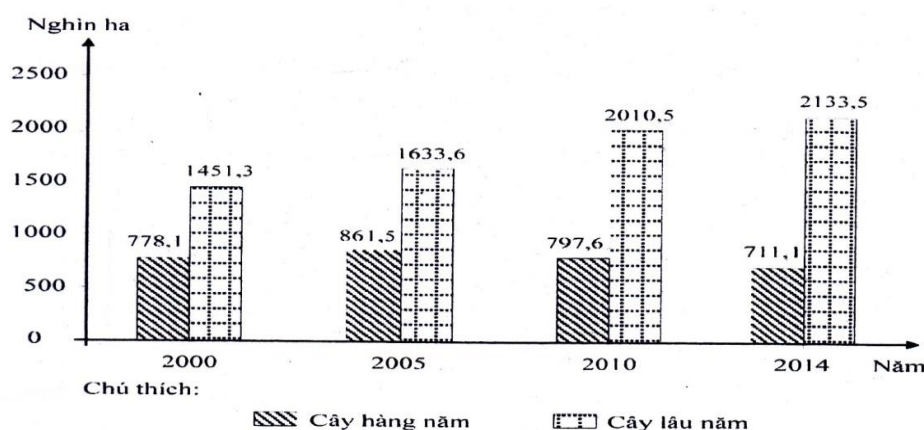
Theo bảng số liệu để thể hiện quy mô và cơ cấu sản lượng tia phân theo mùa vụ của các tài năm 2010 và năm 2018 , dạng biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất ?

- A. Miền B. Tròn C. Kết hợp D. đường

Câu 18: Ý nghĩa chủ yếu của việc phát triển nông nghiệp hàng hóa ở nước ta là

- A. tạo nguồn nông sản lớn, tăng lợi nhuận B. sử dụng hợp lí tự nguyên, tạo ra việc làm.
C. phục vụ chế biến, tạo nếp sản xuất mới. D. tạo cơ cấu đa dạng, nâng cao năng suất.

Câu 19: Cho biểu đồ sau:



Biểu đồ diện tích cây công nghiệp hàng năm và lâu năm của nước ta qua các năm

Căn cứ vào biểu đồ cho biết nhận xét nào dưới đây là đúng?

- A. Trong giai đoạn 2000 – 2014, diện tích cây công nghiệp lâu năm tăng 682,2 nghìn ha.
B. Cây công nghiệp hàng năm diện tích liên tục tăng.
C. Cây công nghiệp lâu năm có diện tích không thay đổi.
D. Trong giai đoạn 2000 – 2014, diện tích cây công nghiệp hàng năm tăng 1,2 lần.

Câu 20: Căn cứ vào bản đồ Lúa (2007) ở Atlat Địa lí Việt Nam trang 19, tỉnh có tỉ lệ diện tích trồng lúa so với diện tích trồng cây lương thực thấp nhất vùng Đồng bằng sông Hồng là

- A. Hưng Yên. B. Vĩnh Phúc.
C. Hà Nam. D. Hải Dương.

IV. NỘI DUNG CHUẨN BỊ:

HS cần xem kỹ lý thuyết SGK trước khi tham khảo phần lý thuyết tóm lược và làm bài tập.

V. ĐÁP ÁN BÀI TẬP TỰ LUYỆN:

A. TỰ LUẬN

Câu 1: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 18, hãy kể tên:

Hai vùng nông nghiệp dẫn đầu nước ta về diện tích đất trồng cây công nghiệp lâu năm ?

STT	Vùng nông nghiệp
1	Tây Nguyên
2	Đông Nam Bộ

Câu 2 Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 19, hãy kể tên bốn tỉnh dẫn đầu nước ta năm 2007 về diện tích trồng lúa, sản lượng lúa.

STT	Diện tích trồng lúa	Sản lượng lúa
1	Kiên Giang	Kiên Giang
2	An Giang	An Giang
3	Đồng Tháp	Đồng Tháp
4	Long An	Long An

B. TRẮC NGHIỆM

Câu 1: Cho bảng số liệu:

DIỆN TÍCH CÁC LOẠI CÂY TRỒNG PHÂN THEO NHÓM CÂY

(Đơn vị: nghìn ha)

Năm	2005	2014
Tổng số	13 287,0	14 809,4
Cây lương thực	8 383,4	8 996,2
Cây công nghiệp	2 495,1	2 843,5
Cây khác	2 408,5	2 969,7

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2015, Nhà xuất bản Thống kê, 2016)

Để thể hiện quy mô diện tích các loại cây trồng và cơ cấu của nó qua hai năm 2005 và 2014, biểu đồ nào sau đây thích hợp nhất?

A. Biểu đồ miền.

B. Biểu đồ tròn.

C. Biểu đồ cột.

D. Biểu đồ đường

Câu 2: Nhóm cây nào sau đây chiếm tỉ trọng lớn nhất trong cơ cấu diện tích trồng trọt ở nước ta hiện nay?

A. Cây lương thực.

B. Cây công nghiệp hàng năm.

C. Cây ăn quả.

D. Cây công nghiệp lâu năm.

Câu 3: Lương thực là mối quan tâm thường xuyên của Nhà nước ta vì

A.điều kiện tự nhiên của nước ta không phù hợp cho sản xuất lương thực.

B. đáp ứng nhu cầu của đời sống, sản xuất và xuất khẩu.

C. thiếu lao động trong sản xuất lương thực.

D. phần lớn diện tích nước ta là đồng bằng.

Câu 4: Trong những năm qua, sản lượng lương thực của nước ta tăng lên chủ yếu là do

A.tăng diện tích đất canh tác.

B.tăng năng suất cây trồng.

C.đẩy mạnh khai hoang phục hóa.

D. tăng số lượng lao động trong ngành trồng lúa.

Câu 5: Năng suất lúa cả năm của nước ta tăng mạnh, chủ yếu do

A.mở rộng diện tích canh tác.

B. đẩy mạnh xen canh, tăng vụ.

C. đẩy mạnh thâm canh.

D. áp dụng rộng rãi các mô hình quảng canh.

Câu 6: Sản lượng lúa của nước ta tăng trong những năm gần đây chủ yếu là do

A.tăng diện tích lúa mùa.

B.đa dạng hóa nông nghiệp.

C.đẩy mạnh công nghiệp chế biến.

D. đẩy mạnh thâm canh tăng năng suất.

Câu 7: Vùng sản xuất lương thực lớn nhất nước ta là

A.Đồng bằng sông Hồng.

B.Bắc Trung Bộ.

C.Đồng bằng sông Cửu Long.

D. Duyên hải Nam Trung Bộ.

Câu 8: Ý nào **không** biểu hiện được Đồng bằng sông Cửu Long là vùng trọng điểm lúa số 1 ở nước ta?

A.chiếm trên 50% diện tích lúa của cả nước.

B.bình quân lương thực trên đầu người đạt trên 1000kg.

C.có nhiều khả năng để mở rộng diện tích.

D.chiếm trên 50% sản lượng lúa của cả nước.

Câu 9: Vùng nào sau đây có năng suất lúa cao nhất nước ta hiện nay?

A.Đồng bằng sông Hồng.

B.Bắc Trung Bộ.

C.Duyên hải Nam Trung Bộ.

D. Đồng bằng sông Cửu Long.

Câu 10: Nguyên nhân chủ yếu nào sau đây dẫn đến trình độ thâm canh cao ở Đồng bằng sông Hồng?

A.đất chật người đông, nhu cầu lương thực lớn.

B.để giải quyết tình trạng thất nghiệp, thiếu việc làm.

C.do nhu cầu của công nghiệp chế biến lương thực.

D.để có đủ thức ăn cho chăn nuôi lợn và gia cầm

Câu 11: Vùng đồng bằng sông Cửu Long có sản lượng lương thực lớn hơn vùng đồng bằng sông Hồng là do

A. có năng suất lúa cao hơn.

B.có diện tích trồng cây lương thực lớn hơn.

C.có trình độ thâm canh cao hơn.

D. có truyền thống trồng cây lương thực lâu đời

hơn.

Câu 12: Cây nào sau đây ở nước ta thuộc nhóm cây công nghiệp lâu năm?

A. Cà phê.

B. Thuốc lá.

C. Bông

D. Đay .

Câu 13: Cây nào sau đây ở nước ta thuộc nhóm cây công nghiệp hàng năm?

A. Thuốc lá.

B. Hồ tiêu.

C. Cà phê.

D. Cao su.

Câu 14: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 19, cho biết tỉnh nào trong các tỉnh sau đây có diện tích trồng cây công nghiệp lâu năm lớn nhất?

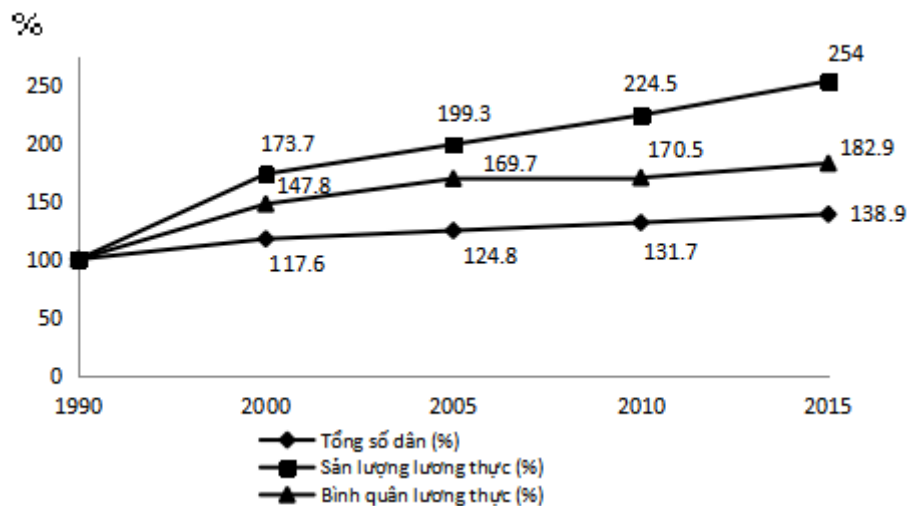
A. Ninh Thuận.

B. Bình Thuận

C. Khánh Hòa

D. Lâm Đồng

Câu 15: Cho biểu đồ sau:



Biểu đồ thể hiện tốc độ tăng trưởng số dân, sản lượng lương thực và bình quân lương thực theo đầu người của nước ta qua các năm.

Căn cứ vào biểu đồ, cho biết nhận xét nào dưới đây là đúng?

A. Khi sản lượng lương thực có tốc độ tăng nhanh hơn tốc độ tăng của dân số thì bình quân lương thực theo đầu người sẽ tăng.

B. Khi sản lượng lương thực có tốc độ tăng chậm hơn tốc độ tăng của dân số thì bình quân lương thực theo đầu người sẽ tăng.

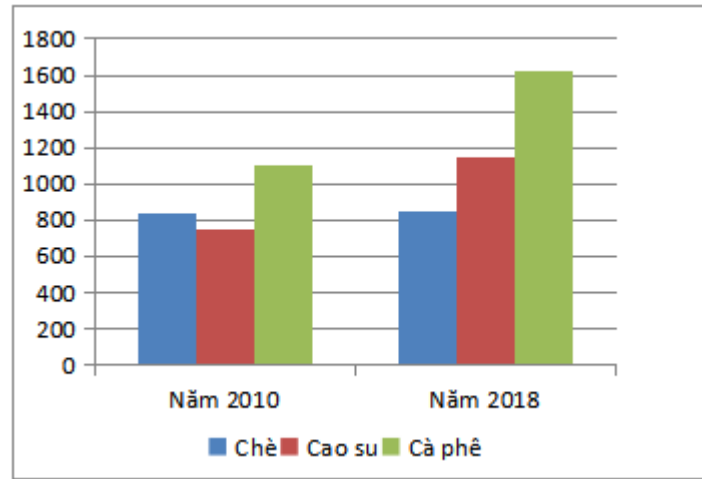
C. Khi tốc độ tăng của dân số tăng nhanh hơn sản lượng lương thực thì bình quân lương thực theo đầu người sẽ tăng.

D. Khi sản lượng lương thực có tốc độ tăng bằng tốc độ tăng của dân số thì bình quân lương thực theo đầu người sẽ tăng.

Câu 16: Cho biểu đồ:

SẢN LƯỢNG MỘT SỐ CÂY CÔNG NGHIỆP LÂU NĂM CỦA NƯỚC TA NĂM 2010 VÀ NĂM 2018

(Số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2018. NXB Thống kê, 2019)



Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây đúng về sản lượng một số cây công nghiệp lâu năm của nước ta năm 2018 so với năm 2010?

- A. Cao su giảm, cà phê tăng. B. Cà phê giảm, chè giảm.
C. Cao su tăng, chè giảm. **D. Cà phê tăng, cao su tăng.**

Câu 17: Cho bảng số liệu

SẢN LƯỢNG XUẤT KHẨU THEO MÙA VỤ CỦA NƯỚC TA NĂM 2010 VÀ NĂM 2018

Năm	Tổng số	Lúa đông, xuân	Lúa hè thu, thu đông	Lúa mùa
2010	40005,6	19216,8	11686,1	9102,7
2018	43979,2	20603,0	15111,3	8264,9

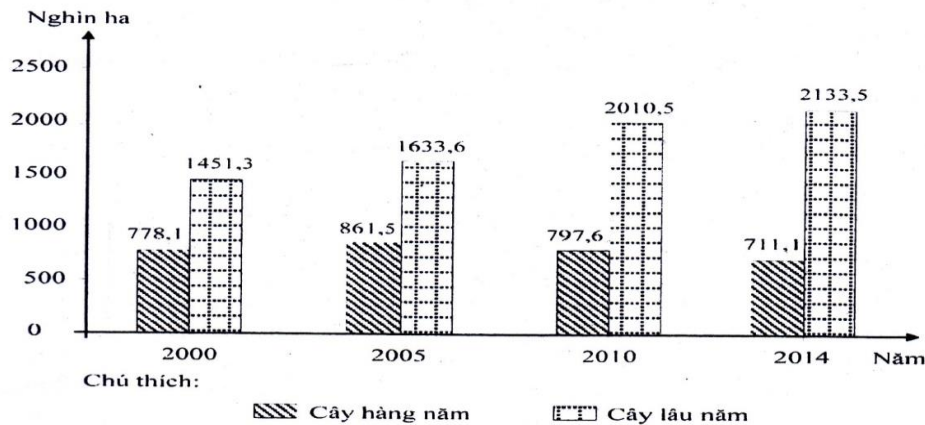
Theo bảng số liệu để thể hiện quy mô và cơ cấu sản lượng tía phân theo mùa vụ của các tài năm 2010 và năm 2018 , dạng biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất ?

- A. Miền **B. Tròn** C. Kết hợp D. đường

Câu 18: Ý nghĩa chủ yếu của việc phát triển nông nghiệp hàng hóa ở nước ta là

- A. tạo nguồn nông sản lớn, tăng lợi nhuận** B. sử dụng hợp lí tự nguyên, tạo ra việc làm.
C. phục vụ chế biến, tạo nếp sản xuất mới. D. tạo cơ cấu đa dạng, nâng cao năng suất.

Câu 19: Cho biểu đồ sau:



Biểu đồ diện tích cây công nghiệp hàng năm và lâu năm của nước ta qua các năm

Căn cứ vào biểu đồ cho biết nhận xét nào dưới đây là đúng?

- A. Trong giai đoạn 2000 – 2014, diện tích cây công nghiệp lâu năm tăng 682,2 nghìn ha.
 - B. Cây công nghiệp hàng năm diện tích liên tục tăng.
 - C. Cây công nghiệp lâu năm có diện tích không thay đổi.
 - D. Trong giai đoạn 2000 – 2014, diện tích cây công nghiệp hàng năm tăng 1,2 lần.
- Câu 20:** Căn cứ vào bản đồ Lúa (2007) ở Atlas Địa lí Việt Nam trang 19, tỉnh có tỉ lệ diện tích trồng lúa so với diện tích trồng cây lương thực thấp nhất vùng Đồng bằng sông Hồng là
- A. Hưng Yên.
 - B. Vĩnh Phúc.
 - C. Hà Nam.
 - D. Hải Dương.

Nếu có thắc mắc HS liên hệ GVBM để được hỗ trợ.

**SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TP HCM
TRƯỜNG THPT HÙNG VƯƠNG**

BỘ MÔN: ĐỊA LÍ - KHỐI LỚP: 12

PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC CHỦ ĐỀ 3 : ĐỊA LÍ CÁC NGÀNH KINH TẾ

II Một số vấn đề phát triển và phân bố nông nghiệp

2. Vấn đề chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp(bài 22 + 23)

I. NHIỆM VỤ TỰ HỌC, NGUỒN TÀI LIỆU CẦN THAM KHẢO:

1. Sách giáo khoa Địa lí lớp 12 chương trình cơ bản: trang 98,99
2. Atlas địa lí Việt Nam của NXB Giáo dục: Sử dụng kết hợp các trang

II- KIẾN THỨC CẦN GHI NHỚ:

Bài tập 1:

a. Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất ngành trồng trọt theo từng nhóm cây từ 1990-2005

1990=100%

Năm	Tổng số	LT	Rau đậu	Cây CN	Cây ĂQ	Cây khác
1990	100	100	100	100	100	100
1995	133,4	126,5	143,3	181,5	110,9	122,0
2000	183,2	165,7	182,1	325,5	121,4	132,1
2005	217,5	191,8	256,8	382,3	158,0	142,3

b. (HS tự học)

c. Nhận xét:

- Quan hệ giữa tốc độ tăng trưởng và sự thay đổi cơ cấu giá trị sản xuất ngành trồng trọt:

+ Giá trị sản xuất nhóm cây công nghiệp tăng nhanh nhất, cây rau đậu tăng nhì và cao hơn tốc độ tăng trưởng chung (nhóm cây CN tăng 3,82 lần; rau đậu 2,57 lần; mức tăng chung 2,17 lần) → Tỷ trọng giá trị sản xuất cũng tăng.

+ Ngược lại tốc độ tăng của các nhóm cây còn lại chậm hơn tốc độ tăng chung vì vậy tỷ trọng của các nhóm cây này giảm trong cơ cấu trồng trọt.

Sự thay đổi trên phản ánh:

+ Trong sản xuất cây lương thực thực phẩm đã có sự phân hoá và đa dạng, cây rau đậu được đẩy mạnh trong sản xuất.

+ Cây công nghiệp tăng nhanh gắn với sự mở rộng diện tích vùng chuyên canh cây công nghiệp đặc biệt là nhóm cây công nghiệp nhiệt đới.

Bài Tập 2:

Cho bảng số liệu: Diện tích gieo trồng cây công nghiệp hằng năm và cây công nghiệp lâu năm (đơn vị : %)

Năm	Cây Công nghiệp hằng năm	Cây công nghiệp lâu năm
1975	45,1	54,9
1980	40,8	59,2
1985	43,9	56,1
1990	54,8	45,2

1995	55,7	44,3
2000	65,1	34,9
2005	65,6	34,4

a. Phân tích xu hướng:

- Từ 1975 – 2005 diện tích cả 2 nhóm cây công nghiệp đều tăng nhưng cây công nghiệp lâu năm tăng nhanh hơn.
- Cây công nghiệp hàng năm: tốc độ tăng 4,1 lần và tăng không đều; tỷ trọng cao, giảm khá nhanh.
- Cây công nghiệp lâu năm: tốc độ tăng 9,4 lần và tăng liên tục; tỷ trọng tăng nhanh.

b. Sự liên quan:

- Tốc độ tăng và cơ cấu diện tích cây công nghiệp lâu năm tăng nhanh dẫn đến sự thay đổi phân bố: hình thành và phát triển các vùng chuyên canh, đặc biệt là các cây công nghiệp chủ lực (cao su, cà phê, chè, hồ tiêu, điều...)

+ Với các vùng chuyên canh lớn: Tây Nguyên, Đông Nam Bộ...

Nếu có thắc mắc HS liên hệ GVBM để được hỗ trợ.

I. Bài tập 1:

1. Tính tốc độ tăng trưởng:

Lấy năm 1990 = 100%;

Tính % năm = giá trị năm sau/giá trị năm gốc sau đó nhân với 100.

Năm	Tổng số	Lương thực	Rau	Cây CN	Cây ăn quả
1990	100	100	100	10	100
1995	133,4	126,5	143,3	181,5	110,9
2000	183,2	165,7	180,1	325,5	121,4
2005	217,5	191,8	256,8	382,3	158,0

- Dạng biểu đồ: đường

2. Nhận xét và giải thích:

* *Nhận xét:*

- SP toàn ngành và toàn SP đều tăng nhưng mức tăng khác nhau giữa các loại sản phẩm:

- SP tăng nhanh:

+ Cây CN: Tăng 3,8 lần

+ Cây rau đậu: Tăng 2,5 lần

- SP tăng chậm:

+ Lương thực tăng 1,9 lần

+ Cây ăn quả tăng 1,5 lần

+ Cây khác tăng 1,4 lần

* *Quan hệ giữa tốc độ tăng và thay đổi cơ cấu:*

- SP tăng nhanh => tăng tỉ trọng trong cơ cấu

- SP tăng chậm => giảm tỉ trọng trong cơ cấu

Nội dung 2: Bài tập 2

Hình thức: Cả lớp, cá nhân

Phương pháp: đàm thoại, phát vấn

II. Bài tập 2:

1. Phân tích sự biến động diện tích gieo trồng cây công nghiệp

- Xử lý số liệu: Lấy năm 1975 = 100%

- Nhận xét:

+ Nhận xét sự thay đổi tổng diện tích cây CN

+ Nhận xét sự thay đổi từng loại cây CN

Cây hàng năm Cây lâu năm

2. Sự thay đổi cơ cấu diện tích cây CN

a. Xử lý số liệu:

Năm	1975	1980	1985	1990	1995	2000	2005
	5					0	5

Cây CN lâu năm	45,1	40 8	43,9	54,8	55,7	65,1	65,6
Cây CN HN	54,9	59,2	56,	45 2	44,3	34,9	34,4

b. Nhận xét:

- Nhận xét thay đổi cơ cấu cây công nghiệp
- Nhận xét thay đổi cơ cấu: Tăng nhanh => cây CN lâu năm (tăng tỉ trọng trong cơ cấu cây CN) phân bố thành vùng chuyên canh.